

ĐỀ SỐ 1

TRƯỜNG TIỂU HỌC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Họ và tên:

Môn: Toán - Lớp 5

Lớp:

Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số $5\frac{3}{4}$ có phần phân số là:

A. 5

B. 3

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{53}{4}$

Câu 2: Trong số thập phân 28,159, chữ số 5 có giá trị là:

A. 5

B. $\frac{5}{10}$

C. $\frac{5}{100}$

D. $\frac{5}{1000}$

Câu 3: Số đo lớn nhất là:

A. 45 ha

B. 4 km² 5 ha

C. 0,5 km²

D. 450000 m²

Câu 4: Mua 8 quyển vở hết 40 000 đồng. Hỏi mua 10 quyển vở như thế hết bao nhiêu tiền?

A. 45 000đ

B. 50 000đ

C. 55 000đ

D. 60 000đ

Câu 5: Ba lớp 5A, 5B, 5C trồng được tất cả 180 cây. Lớp 5A trồng nhiều hơn lớp 5B là 10 cây, lớp 5B trồng nhiều hơn lớp 5C là 10 cây. Hỏi lớp 5A trồng được bao nhiêu cây?

A. 50 cây

B. 60 cây

C. 70 cây

D. 80 cây

Câu 6: Trung bình cộng tuổi của cô giáo và 30 học sinh là 12 tuổi. Nếu không tính cô giáo thì trung bình cộng tuổi của 30 học sinh là 11 tuổi. Hỏi cô giáo bao nhiêu tuổi?

A. 40 tuổi

B. 41 tuổi

C. 42 tuổi

D. 43 tuổi

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $45,8 + 27,35$

b) $90,5 - 38,72$

.....

.....

c) $8,25 \times 4,6$

d) $104,4 : 24$

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Cho các số thập phân sau: 8,709; 7,89; 8,79; 7,9

a) Số lớn nhất: Số bé nhất:

b) Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm:

5 tấn 25 kg ... 5,25 tấn

8 km² 6 ha ... 8,06 km²

Bài 4: (1 điểm) Mẹ mua 600g thịt lợn với giá 120 000 đồng một ki-lô-gam. Hỏi mẹ phải trả người bán hàng bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

Bài 5: (2 điểm) Một mảnh đất hình thang có đáy lớn 25m, đáy bé 15m và chiều cao 10m. Người ta sử dụng $\frac{3}{5}$ diện tích mảnh đất để trồng hoa. Tính diện tích phần đất còn lại.

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 2

TRƯỜNG TIỂU HỌC

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Họ và tên:

Môn: Toán - Lớp 5

Lớp:

Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số $8\frac{2}{5}$ có phần nguyên là:

A. 2

B. 8

C. 5

D. $\frac{2}{5}$

Câu 2: Trong số thập phân 34,579, chữ số 7 có giá trị là:

A. 7

B. $\frac{7}{10}$

C. $\frac{7}{100}$

D. $\frac{7}{1000}$

Câu 3: Số đo lớn nhất là:

A. 3 km²

B. 305 ha

C. 3,5 km²

D. 350000 m²

Câu 4: Mua 12 chiếc bút chì hết 36 000 đồng. Hỏi mua 20 chiếc bút như thế hết bao nhiêu tiền?

A. 50 000đ

B. 60 000đ

C. 70 000đ

D. 80 000đ

Câu 5: Ba kho A, B, C chứa tất cả 300 tấn gạo. Kho A chứa nhiều hơn kho B là 20 tấn, kho B chứa nhiều hơn kho C là 20 tấn. Hỏi kho A chứa bao nhiêu tấn gạo?

A. 80 tấn

B. 100 tấn

C. 120 tấn

D. 140 tấn

Câu 6: Trung bình cộng tuổi của 35 học sinh là 10 tuổi. Nếu tính cả cô giáo thì trung bình cộng tuổi của 35 học sinh và cô giáo là 11 tuổi. Hỏi cô giáo bao nhiêu tuổi?

A. 40 tuổi

B. 42 tuổi

C. 45 tuổi

D. 46 tuổi

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $125,4 + 68,92$

b) $200 - 55,18$

.....

.....

c) $12,5 \times 3,4$

d) $81,9 : 9$

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Cho các số thập phân sau: 5,67; 6,05; 5,76; 6,5

a) Số lớn nhất: Số bé nhất:

b) Sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm:

12,4 tạ ... 1,24 tấn

3ha 50m² ... 3,005 ha

Bài 4: (1 điểm) Một mét vải giá 80 000 đồng. Hỏi mua 1,5 mét vải cùng loại phải trả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

Bài 5: (2 điểm) Một thửa ruộng hình thang có đáy lớn 30m, đáy bé 20m và chiều cao 12m. Người ta sử dụng $\frac{2}{5}$ diện tích thửa ruộng để trồng rau. Tính diện tích phần đất còn lại.

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 3

TRƯỜNG TIỂU HỌC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Họ và tên:

Môn: Toán - Lớp 5

Lớp:

Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số $12\frac{7}{10}$ có phần phân số là:

A. 12

B. 7

C. $\frac{7}{10}$

D. 10

Câu 2: Trong số 567,128, chữ số 8 có giá trị là:

A. 8

B. $\frac{8}{10}$

C. $\frac{8}{100}$

D. $\frac{8}{1000}$

Câu 3: Số đo bé nhất là:

A. 750 ha

B. 7,5 km²

C. 75000 m²

D. 7km² 5ha

Câu 4: Biết 4 lít dầu hỏa nặng 3,2 kg. Hỏi 10 lít dầu hỏa như thế nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 7,2 kg

B. 8 kg

C. 8,2 kg

D. 12 kg

Câu 5: Tổng của ba số là 150. Số thứ nhất hơn số thứ hai 15 đơn vị, số thứ hai hơn số thứ ba 15 đơn vị. Tìm số thứ nhất.

A. 35

B. 50

C. 65

D. 80

Câu 6: Trung bình cộng cân nặng của 10 vận động viên là 62kg. Nếu tính cả huấn luyện viên thì trung bình cộng của 11 người là 64kg. Hỏi huấn luyện viên nặng bao nhiêu ki-lô-

gam?

A. 78 kg

B. 80 kg

C. 82 kg

D. 84 kg

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $98,15 + 104,9$

b) $350,8 - 129,95$

.....

.....

c) $25,4 \times 5,2$

d) $153 : 4$

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Cho các số thập phân sau: 10,99; 11,01; 10,909; 11,1

a) Số lớn nhất: Số bé nhất:

b) Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm:

2,05 tấn ... 2 tấn 5 kg

$12 \text{ m}^2 8 \text{ dm}^2$... $12,08 \text{ m}^2$

Bài 4: (1 điểm) Giá một ki-lô-gam đường là 25 000 đồng. Hỏi mua 400 gam đường loại đó thì hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

Bài 5: (2 điểm) Một mảnh vườn hình thang có đáy lớn 40m, đáy bé 25m, chiều cao 20m. Người ta sử dụng 60% diện tích mảnh vườn để làm nhà. Tính diện tích đất còn lại.

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 4

TRƯỜNG TIỂU HỌC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Họ và tên: Môn: Toán - Lớp 5

Lớp: Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số $4\frac{1}{100}$ có phần nguyên là:

- A. 1 B. 4 C. 100 D. $\frac{1}{100}$

Câu 2: Trong số 7,081, chữ số 8 có giá trị là:

- A. 8 B. $\frac{8}{10}$ C. $\frac{8}{100}$ D. $\frac{8}{1000}$

Câu 3: Số đo lớn nhất là:

- A. 0,8 km² B. 81 ha C. 800000 m² D. 8 km² 1 ha

Câu 4: Một ô tô trong 5 giờ đi được 250 km. Hỏi trong 3 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 120 km B. 150 km C. 180 km D. 200 km

Câu 5: Ba bạn An, Bình, Cường có tất cả 90 viên bi. An có nhiều hơn Bình 5 viên, Bình có nhiều hơn Cường 5 viên. Hỏi An có bao nhiêu viên bi?

- A. 25 viên B. 30 viên C. 35 viên D. 40 viên

Câu 6: Trung bình cộng của bốn số là 20. Nếu thêm số thứ năm là 30 thì trung bình cộng của năm số đó là bao nhiêu?

A. 22

B. 24

C. 25

D. 26

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $60,72 + 8,591$

b) $100 - 9,99$

.....

.....

c) $4,05 \times 12,8$

d) $17,55 : 3,9$

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Cho các số thập phân sau: 9,09; 9,9; 9,009; 9,89

a) Số lớn nhất: Số bé nhất:

b) Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm:

6 kg 50 g ... 6,05 kg

4 dam² 15 m² ... 4,15 dam²

Bài 4: (1 điểm) May một bộ quần áo hết 2,8m vải. Hỏi có 20m vải thì may được nhiều nhất bao nhiêu bộ quần áo như thế và còn thừa mấy mét vải?

Bài giải

.....

Bài 5: (2 điểm) Một tấm bìa hình thang có đáy lớn 18cm, đáy bé 12cm, chiều cao 8cm. Người ta đã tô màu $\frac{1}{4}$ diện tích tấm bìa đó. Tính diện tích phần chưa tô màu.

Bài giải

.....

ĐỀ SỐ 5

TRƯỜNG TIỂU HỌC BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Họ và tên: Môn: Toán - Lớp 5

Lớp: Thời gian: 40 phút

Điểm	Lời phê của giáo viên

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Hỗn số $15\frac{9}{1000}$ có phần phân số là:

A. 15

B. 9

C. $\frac{9}{100}$

D. $\frac{9}{1000}$

Câu 2: Trong số 2024,38, chữ số 8 có giá trị là:

A. 8

B. $\frac{8}{10}$

C. $\frac{8}{100}$

D. 80

Câu 3: Số đo bé nhất là:

A. 6,5 ha

B. 6500 m²

C. 0,06 km²

D. 6 ha 5 m²

Câu 4: Một máy bơm trong 2 giờ bơm được 90 m³ nước. Hỏi trong 3 giờ 30 phút máy bơm đó bơm được bao nhiêu mét khối nước?

A. 135 m³

B. 157,5 m³

C. 165 m³

D. 180 m³

Câu 5: Tổng chu vi của ba hình vuông là 120cm. Biết cạnh hình vuông thứ nhất hơn cạnh hình vuông thứ hai 2cm, cạnh hình vuông thứ hai hơn cạnh hình vuông thứ ba 2cm. Tính chu vi hình vuông lớn nhất.

A. 32 cm

B. 40 cm

C. 48 cm

D. 56 cm

Câu 6: Trung bình cộng điểm 3 bài kiểm tra môn Toán của An là 8 điểm. Để trung bình cộng điểm 4 bài là 8,5 điểm thì bài kiểm tra thứ tư An phải đạt bao nhiêu điểm?

A. 9

B. 9,5

C. 10

D. 10,5

II. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $205,81 + 95,7$

b) $500,05 - 250,8$

.....

.....

c) $0,75 \times 62$

d) $91,08 : 3,6$

.....

.....

Bài 2: (1 điểm) Cho các số thập phân sau: 1,23; 1,32; 1,203; 1,3

a) Số lớn nhất: Số bé nhất:

b) Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

Bài 3: (1 điểm) Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm:

0,5 tấn ... 500 kg

2 m² 2 dm² ... 2,02 m²

Bài 4: (1 điểm) Mua một tá (12 chiếc) bút chì hết 60 000 đồng. Hỏi nếu mua 8 chiếc bút chì như thế thì phải trả bao nhiêu tiền?

Bài giải

.....

Bài 5: (2 điểm) Một mảnh đất hình thang có đáy lớn 50dm, đáy bé 30dm, chiều cao 2,5m. Người ta dùng $\frac{4}{5}$ diện tích đất để trồng ngô. Tính diện tích phần đất còn lại.

Bài giải

.....